

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

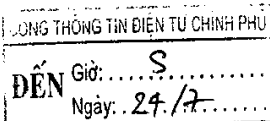
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *09* /2015/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *22* tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v quy định mức chi phí chi trả phụ cấp thường trực; chi phí chi trả
phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật tính vào giá dịch vụ y tế tại các cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 29 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND
ngày 03 tháng 12 năm 2004;
Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá ngày
20/6/2012;

Căn cứ Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng
Chính phủ về việc quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức,
viên chức, người lao động trong các cơ sở y tế công lập và chế độ phụ cấp chống
dịch;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2014/TTLT- BYT-BNV-BTC-
BLĐTB&XH của liên Bộ: Y tế, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và
Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 73/2011/QĐ-TTg
ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ
Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong
từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 21/2014/QĐ- UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quy định giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong
các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý;

Căn cứ Văn bản số 2250-CV/TU ngày 14/7/2015 của Thường trực Tỉnh
ủy; Văn bản số 99/TT-HĐND ngày 16/7/2015 của Thường trực HĐND tỉnh;

Xét đề nghị Sở Y tế tại Văn bản số 282/SYT-KHTC ngày 10 tháng 3 năm
2015; đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 176/TTr-STC ngày 03 tháng 6
năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức chi phí chi trả phụ cấp thường trực; chi phí chi trả
phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật tính vào giá dịch vụ y tế tại các cơ sở khám bệnh,
chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý được quy định tại Quyết

định số 21/2014/QĐ- UBND ngày 19/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ theo nguyên tắc cộng thêm chi phí chi trả phụ cấp đặc thù với các mức như sau:

1. Chi phí chi trả phụ cấp thường trực (trừ phụ cấp thường trực của trạm y tế xã) được cộng vào mức giá ngày giường bệnh theo từng loại bệnh viện như sau:

ĐVT: đồng/ngày/giường bệnh

STT	Hạng bệnh viện	Mức chi phí
1	Bệnh viện hạng đặc biệt, hạng I	19.000
2	Bệnh viện hạng II	14.000
3	Bệnh viện hạng III	10.000
4	Bệnh viện hạng IV và chưa xếp hạng (trừ trạm y tế xã)	9.000

2. Mức chi phí chi trả phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật được cộng vào mức giá của từng loại phẫu thuật, thủ thuật theo Phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Y tế có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; Hướng dẫn các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý thực hiện bổ sung chi phí nêu trên vào giá các dịch vụ y tế.

2. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý phải thực hiện: Niêm yết công khai bảng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền quy định tại địa điểm thu tiền và ở vị trí thuận lợi để người bệnh biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, Y tế, Tư pháp;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, TH2. *16*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



[Signature]
Chu Ngọc Anh

**DANH MỤC CHI PHÍ PHỤ CẤP PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT
CỘNG VÀO MỨC GIÁ CỦA TỪNG LOẠI PHẪU THUẬT, THỦ THUẬT**
(Kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
I	Vi phẫu (02 kíp)		
1	Phẫu thuật loại đặc biệt	2.880.000	
2	Phẫu thuật loại I	1.320.000	
II	Phẫu thuật nội soi		
3	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.520.000	
4	Phẫu thuật loại I	660.000	
5	Phẫu thuật loại II	340.000	
6	Phẫu thuật loại III	190.000	
III	Chuyên khoa: Ngoại khoa		
A	Phẫu thuật		
7	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.520.000	
8	Phẫu thuật loại I	660.000	
9	Phẫu thuật loại II	340.000	
10	Phẫu thuật loại III	190.000	
B	Thủ thuật		
11	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
12	Thủ thuật loại 1	144.000	
13	Thủ thuật loại 2	54.000	
14	Thủ thuật loại 3	28.000	
IV	Chuyên khoa: Lao (ngoại Lao)		
A	Phẫu thuật		
15	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
16	Phẫu thuật loại I	590.000	
17	Phẫu thuật loại II	260.000	
18	Phẫu thuật loại III	145.000	
B	Thủ thuật		
19	Thủ thuật loại 1	102.000	
V	Chuyên khoa: Bông		
A	Phẫu thuật		

STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
20	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.520.000	
21	Phẫu thuật loại I	660.000	
22	Phẫu thuật loại II	340.000	
23	Phẫu thuật loại III	190.000	
B	Thủ thuật		
24	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
25	Thủ thuật loại 1	144.000	
26	Thủ thuật loại 2	63.000	
27	Thủ thuật loại 3	28.000	
VI	Chuyên khoa Phụ Sản		
A	Phẫu thuật		
28	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
29	Phẫu thuật loại I	590.000	
30	Phẫu thuật loại II	260.000	
31	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
32	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
33	Thủ thuật loại 1	91.000	
34	Thủ thuật loại 2	49.000	
35	Thủ thuật loại 3	28.000	
VII	Chuyên khoa: Nhi khoa		
A	Phẫu thuật		
36	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
37	Phẫu thuật loại I	590.000	
38	Phẫu thuật loại II	310.000	
39	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
40	Thủ thuật loại đặc biệt	240.000	
41	Thủ thuật loại 1	91.000	
42	Thủ thuật loại 2	49.000	
43	Thủ thuật loại 3	24.000	
VIII	Chuyên khoa: Tạo hình thẩm mỹ		
A	Phẫu thuật		
44	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	



STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
45	Phẫu thuật loại I	590.000	
46	Phẫu thuật loại II	260.000	
47	Phẫu thuật loại III	145.000	
B	Thủ thuật		
48	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
49	Thủ thuật loại 1	123.000	
50	Thủ thuật loại 2	63.000	
51	Thủ thuật loại 3	28.000	
IX	Chuyên khoa: Ung bướu		
A	Phẫu thuật		
52	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
53	Phẫu thuật loại I	590.000	
54	Phẫu thuật loại II	260.000	
55	Phẫu thuật loại III	145.000	
B	Thủ thuật		
56	Thủ thuật loại đặc biệt	228.000	
57	Thủ thuật loại 1	64.000	
58	Thủ thuật loại 2	34.000	
59	Thủ thuật loại 3	24.000	
X	Chuyên khoa Mắt		
A	Phẫu thuật		
60	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.280.000	
61	Phẫu thuật loại I	500.000	
62	Phẫu thuật loại II	260.000	
63	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
64	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
65	Thủ thuật loại 1	144.000	
66	Thủ thuật loại 2	63.000	
67	Thủ thuật loại 3	28.000	
XI	Chuyên khoa Răng Hàm Mặt		
A	Phẫu thuật		
68	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
69	Phẫu thuật loại I	590.000	

STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
70	Phẫu thuật loại II	310.000	
71	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
72	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
73	Thủ thuật loại 1	144.000	
74	Thủ thuật loại 2	58.000	
75	Thủ thuật loại 3	28.000	
XII	Chuyên khoa Tai Mũi Họng		
A	Phẫu thuật		
76	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
77	Phẫu thuật loại I	590.000	
78	Phẫu thuật loại II	260.000	
79	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
80	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
81	Thủ thuật loại 1	91.000	
82	Thủ thuật loại 2	34.000	
83	Thủ thuật loại 3	24.000	
XIII	Chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa		
A	Phẫu thuật		
84	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
85	Phẫu thuật loại I	590.000	
86	Phẫu thuật loại II	245.000	
87	Phẫu thuật loại III	125.000	
B	Thủ thuật		
88	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
89	Thủ thuật loại 1	123.000	
90	Thủ thuật loại 2	43.000	
91	Thủ thuật loại 3	24.000	
XIV	Chuyên khoa: Đa liễu		
A	Phẫu thuật		
92	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
93	Phẫu thuật loại I	590.000	
94	Phẫu thuật loại II	260.000	



STT	Các loại phẫu thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
95	Phẫu thuật loại III	130.000	
B	Thủ thuật		
96	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
97	Thủ thuật loại 1	123.000	
98	Thủ thuật loại 2	34.000	
99	Thủ thuật loại 3	24.000	
XV	Chuyên khoa: Nội tiết		
A	Phẫu thuật		
100	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.480.000	
101	Phẫu thuật loại I	590.000	
102	Phẫu thuật loại II	310.000	
103	Phẫu thuật loại III	175.000	
B	Thủ thuật		
104	Thủ thuật loại đặc biệt	264.000	
105	Thủ thuật loại 1	123.000	
106	Thủ thuật loại 2	54.000	
107	Thủ thuật loại 3	24.000	
XVI	Chuyên khoa: Nội soi chẩn đoán can thiệp		
A	Phẫu thuật		
108	Phẫu thuật loại đặc biệt	1.080.000	
109	Phẫu thuật loại I	500.000	
110	Phẫu thuật loại II	210.000	
111	Phẫu thuật loại III	145.000	
B	Thủ thuật		
112	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
113	Thủ thuật loại 1	144.000	
114	Thủ thuật loại 2	63.000	
115	Thủ thuật loại 3	28.000	
XVII	Chuyên khoa: Điện quang		
A	Phẫu thuật		
116	Phẫu thuật loại I	590.000	
B	Thủ thuật		
117	Thủ thuật loại đặc biệt	300.000	
118	Thủ thuật loại 1	123.000	

STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
119	Thủ thuật loại 2	54.000	
120	Thủ thuật loại 3	24.000	
XVIII	Chuyên khoa: Gây mê hồi sức		
	Thủ thuật		
121	Thủ thuật loại đặc biệt	240.000	
122	Thủ thuật loại 1	85.000	
123	Thủ thuật loại 2	34.000	
124	Thủ thuật loại 3	24.000	
XIX	Chuyên khoa: Y học cổ truyền		
	Thủ thuật		
125	Thủ thuật loại 1	91.000	
126	Thủ thuật loại 2	49.000	
127	Thủ thuật loại 3	24.000	
XX	Chuyên khoa: Phục hồi chức năng		
	Thủ thuật		
128	Thủ thuật loại đặc biệt	180.000	
129	Thủ thuật loại 1	85.000	
130	Thủ thuật loại 2	34.000	
131	Thủ thuật loại 3	15.000	
XXI	Chuyên khoa: Y học hạt nhân		
	Thủ thuật		
132	Thủ thuật loại đặc biệt	288.000	
133	Thủ thuật loại 1	129.000	
134	Thủ thuật loại 2	54.000	
XXII	Chuyên khoa: Thăm dò chức năng		
	Thủ thuật		
135	Thủ thuật loại đặc biệt	264.000	
136	Thủ thuật loại 1	91.000	
137	Thủ thuật loại 2	49.000	
138	Thủ thuật loại 3	24.000	
XIII	Chuyên khoa: Huyết học truyền máu		
	Thủ thuật		
139	Thủ thuật loại đặc biệt	240.000	
140	Thủ thuật loại 1	112.000	

STT	Các loại phẫu thuật, thủ thuật	Mức chi phí (đồng)	Ghi chú
141	Thủ thuật loại 2	49.000	
142	Thủ thuật loại 3	24.000	
XIV	Chuyên khoa: Giải phẫu bệnh lý và tế bào Bệnh học		
	Thủ thuật		
143	Thủ thuật loại 1	91.000	
144	Thủ thuật loại 2	34.000	
145	Thủ thuật loại 3	24.000	
XXV	Chuyên khoa: Tâm thần		
	Thủ thuật		
146	Thủ thuật loại 1	91.000	
147	Thủ thuật loại 2	34.000	
148	Thủ thuật loại 3	15.000	